

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DSST

Ngày: 11-7-2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Đáng
- Ông Huỳnh Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2023/QĐXXST-DS ngày 09/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2023/QĐST-DS, ngày 26/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sơn Thị Ngọc X, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sơn Thị Ngọc X trình bày: Vào ngày 31/01/2019 do thông qua mối quan hệ quen biết với nhau từ trước nên chị có cho bà Nguyễn Thị H vay mượn 01 cây vàng 24Kra để bà H làm ăn và hai bên có làm giấy mượn vàng, lúc vay mượn hai bên không có thỏa thuận trả lãi trên số vàng gốc. Hai bên thỏa thuận là đến tháng 4/2019 bà H sẽ trả lại cho chị số vàng trên nhưng đến hạn bà H không trả số vàng trên, chị nhiều lần liên lạc và đến nhà bà H thì bà hứa hẹn và cố tình lần

tránh. Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho chị 01 cây vàng (10 chỉ vàng 24Kra) trị giá là 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng) và chị không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H, mặc dù sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Nguyễn Thị H không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Bà Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay chị Sơn Thị Ngọc X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà H phải trả 10 chỉ vàng 24Kra và không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát Viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị Ngọc X. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng thì vàng không phải là đối tượng thanh toán trong giao dịch dân sự nên yêu cầu của chị X buộc bà H trả 10 chỉ vàng 24Kra sẽ được quy đổi thành tiền Việt Nam đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị H phải trả giá trị 10 chỉ vàng 24Kra tại thời điểm xét xử.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Sơn Thị Ngọc X khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H thực hiện nghĩa vụ hợp đồng vay tài sản còn nợ, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại ấp G, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H.

[3] Về nội dung vụ án: Theo chị Sơn Thị Ngọc X trình bày do quen biết với nhau từ trước nên ngày 31/01/2019 chị có cho bà Nguyễn Thị H vay mượn 01 cây vàng 24Kra, khi vay có làm giấy mượn vàng và hai bên thỏa thuận đến tháng 4/2019 bà H sẽ trả lại cho chị số vàng trên nhưng đến hẹn bà H không trả mặc dù chị có đến nhà bà H để đòi nợ nhưng bà H hứa hẹn và cố tình lẩn tránh. Nay chị yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả cho chị 1 chỉ vàng 24Kra và không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị H vắng mặt, không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng như không có yêu cầu phản tố gửi đến Tòa án. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp lệ nên xét yêu cầu của chị Sơn Thị Ngọc X yêu cầu bà H phải trả số vàng còn nợ 10 chỉ vàng 24Kra là có căn cứ chấp nhận. Việc mượn vàng giữa chị X và bà H là có thật căn cứ vào giấy mượn vàng ghi ngày 31/01/2019 có nội dung thể hiện rõ: *“Tôi đứng tên dưới đây là Nguyễn Thị H, sinh năm 1966, chứng minh nhân dân 365622621 Công an Sóc Trăng cấp có mượn vàng cháu Sơn Thị Ngọc X ấp L, xã S, huyện C, tỉnh TV số vàng bằng 01 cây (Một cây) vào ngày 31-01-2019 đến ngày 31-04-2019 sẽ trả cho cháu nếu sau này có trở ngại gì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”*.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận, tuy nhiên pháp luật hiện hành quy định hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng là sử dụng làm phương tiện thanh toán. Do đó, Hội đồng xét xử buộc trả theo giá trị vàng tương ứng tại thời điểm xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 và điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị H trả cho chị Sơn Thị Ngọc X giá trị 10 chỉ vàng 24Kra (tại thời điểm xét xử 01 chỉ vàng 24Kra có giá 5.534.700 đồng) bằng số tiền 55.347.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của chị Sơn Thị Ngọc X được chấp nhận nên chị Sơn Thị Ngọc X không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét về quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; các điều 35; 39; 227; 228; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị Ngọc X.

- Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho chị Sơn Thị Ngọc X giá trị 10 chỉ vàng 24Kra, bằng số tiền 55.347.000 đồng. *(Năm mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng.*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, về lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 2.767.350 đồng.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hùng Anh